

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN MỸ XUYỀN**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 16/9/2022*

*V/v: “Ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-DS, ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1954.

Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Cùng ngụ Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: Nông trường 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

**NỘI D VỤ ÁN**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn T kết hôn vào năm 1999 có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã Ng, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 21 năm thì phát sinh mâu thuẫn và sống không hạnh phúc vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay không hàn gắn lại được. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Đối với bị đơn ông Phạm Văn T đã có đơn xin vắng mặt gửi Tòa án đề xin Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra trong đơn xin xét xử vắng mặt ông T có**

nêu về ý kiến của ông về hôn nhân ông T đồng ý ly hôn với bà D, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân xử cho bà D được ly hôn với ông T, về con, tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:** Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Phạm Văn T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T và bà D theo quy định pháp luật.

### **Về nội D:**

- *Về hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc được 21 năm, sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay không hàn gắn lại được.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà D không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không hàn gắn lại được. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà D là người cao tuổi là thuộc trường hợp được miễn án phí, tuy nhiên bà D không có đơn yêu cầu xin miễn án phí vì vậy HĐXX không xem xét và bà D phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

- **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có nên không xem xét, giải quyết.

- **Án phí hôn nhân sơ thẩm:** Bà D phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0005501, ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Tòa án tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**

